

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

**DỊCH THUẬT CHUYÊN NGÀNH TRUNG-VIỆT:
GÓC NHÌN VỀ ĐÀO TẠO PHIÊN DỊCH
KHOA HỌC KỸ THUẬT CHO SINH VIÊN VIỆT NAM
CẨM TÚ TÀI* - ỨNG THUY LINH****

TÓM TẮT: Đào tạo phiên dịch tiếng Trung khoa học kỹ thuật là một hướng đi cụ thể hóa tất yếu trong dạy học tiếng Trung chuyên ngành cho sinh viên chuyên ngữ Việt Nam, nhằm giúp sinh viên tăng cường kiến thức ngôn ngữ, kiến thức về chuyên ngành và năng lực dịch thuật song ngữ Trung-Việt. Bài viết tập trung thảo luận làm rõ về đặc điểm ngôn ngữ khoa học kỹ thuật tiếng Trung Quốc, từ đó đề xuất một số giải pháp bồi dưỡng nâng cao năng lực dịch thuật cho sinh viên. Qua đây chúng tôi mong muốn có thể đóng góp tài liệu tham khảo để nâng cao chất lượng đào tạo phiên dịch chuyên ngành Trung-Việt ở Việt Nam.

TỪ KHÓA: phiên dịch; khoa học kỹ thuật; đào tạo; chuyên ngành; tiếng Trung Quốc.

NHẬN BÀI: 15/02/2023.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 07/04/2023

1. Phần mở đầu

Dạy học phiên dịch tiếng Trung khoa học kỹ thuật là một trong những nội dung quan trọng trong chương trình đào tạo tiếng Trung chuyên ngành như một ngoại ngữ dành cho sinh viên trong các cơ sở giáo dục ngoại ngữ ở Việt Nam hiện nay. Tên gọi tiếng Trung chuyên ngành (CSP - Chinese for Special Purposes) là chỉ tiếng Trung liên quan đến một ngành nghề hoặc một ngành học cụ thể. Đây là các chương trình tiếng Trung được mở theo nhu cầu cụ thể của người học, như tiếng Trung pháp luật, tiếng Trung du lịch, tiếng Trung khoa học, tiếng Trung kinh tế - thương mại, tiếng Trung tài chính - ngân hàng, tiếng Trung hải quan, v.v. với mục đích là đào tạo năng lực giao tiếp sử dụng tiếng Trung để thực hiện công việc trong môi trường làm việc cụ thể. Xây dựng nội dung dạy học phiên dịch tiếng Trung khoa học kỹ thuật cho sinh viên có ý nghĩa rất thiết thực, giúp sinh viên tăng cường kiến thức về tiếng Trung Quốc, kiến thức về chuyên ngành và năng lực dịch thuật thuộc lĩnh vực khoa học kỹ thuật. Từ trước tới nay đã có rất nhiều tác giả đi sâu bàn luận về dạy học tiếng Anh và phiên dịch tiếng Anh khoa học kỹ thuật như một ngoại ngữ. Tuy nhiên, đối với đào tạo tiếng Trung như một ngoại ngữ, vẫn còn quá ít công bố về vấn đề đào tạo tiếng Trung chuyên ngành, cũng như đào tạo phiên dịch tiếng Trung chuyên ngành. Chúng tôi mới chỉ quan sát thấy có một vài bài viết liên quan như bàn về kinh nghiệm giảng dạy môn dịch viết tiếng Trung chuyên ngành quan hệ quốc tế (Phan Vũ Tuấn Anh, 2016); góc nhìn liên ngành về dạy học phiên dịch tiếng Hán thương mại trong bối cảnh hội nhập quốc tế (Cẩm Tú Tài, 2018); *Bàn về từ ngữ Khoa học kỹ thuật tiếng Hán và việc chuyển dịch sang tiếng Việt* (Cẩm Tú Tài, 2022); *Định hướng một số nội dung thiết thực về kiến thức, chương trình, nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá trong đào tạo tiếng Trung Quốc với xu hướng ứng dụng nghề nghiệp tương lai* (Nguyễn Văn Khang, 2022); *Thách thức và giải pháp trong dạy học tiếng Trung chuyên ngành trước bối cảnh hội nhập quốc tế tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội* (Phạm Thị Trang, 2022),... Có thể thấy, nghiên cứu về đào tạo tiếng Trung chuyên ngành và vấn đề dịch thuật ở Việt Nam vẫn đang là khoảng trống rất cần được bổ sung và làm sâu sắc thêm. Bài viết của chúng tôi sẽ tập trung

* PGS.TS; Trường Ngoại ngữ - Du lịch, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Email: camtutai@gmail.com

** TS; Trường Ngoại ngữ - Du lịch, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Email: ungthuylinh88@gmail.com

thảo luận *làm rõ* thêm về đặc điểm ngôn ngữ khoa học kĩ thuật tiếng Trung Quốc, từ đó đề xuất một số định hướng giải pháp bồi dưỡng hỗ trợ nâng cao năng lực dịch thuật cho sinh viên. Hi vọng sẽ có thể góp thêm tài liệu tham khảo phục vụ công tác phát triển chương trình đào tạo ngoại ngữ nói chung và tiếng Trung Quốc nói riêng trong bối cảnh hợp tác kinh tế quốc tế ngày nay.

2. Một số cơ sở lí luận liên quan

2.1. Tiếng Trung chuyên ngành

2.1.1. Cơ sở định vị

Tiếng Trung Quốc chuyên ngành (CSP - Chinese for Specific Purposes) được dùng cho các ngành, nghề và công việc như: Tiếng Trung khoa học, Tiếng Trung công nghệ, Tiếng y học (Trung - Tây y), Tiếng Trung văn học, lịch sử và triết học, Tiếng Trung chính trị, kinh tế và pháp luật, v.v.; Tiếng Trung chuyên ngành bao gồm: Tiếng Trung ngoại giao, Tiếng Trung ngoại thương, Tiếng Trung truyền thông, Tiếng Trung quân sự, Tiếng Trung du lịch, Tiếng Trung kĩ thuật, Tiếng Trung doanh nghiệp, Tiếng Trung hàng không, Tiếng Trung xây dựng, Tiếng Trung công ty, Tiếng Trung khách sạn, Tiếng Trung văn phòng, Tiếng Trung thương mại, Tiếng Trung kinh tế, tiếng Trung văn phòng, v.v. Điều đó có nghĩa là tiếng Trung được sử dụng trong các lĩnh vực chuyên môn nhất định, phạm vi cụ thể và các trường hợp cụ thể. Tiếng Trung không chỉ giới hạn ở chuyên ngành, nghiệp vụ, lĩnh vực liên quan với các ngành nghề, mà còn bao gồm cả tiếng Trung được sử dụng trong các công việc cụ thể, các trường hợp và môi trường cụ thể. Do rất khó phân biệt rõ ràng giữa tiếng Trung thuộc lĩnh vực chuyên môn và tiếng Trung chuyên ngành (ngành nghề hoặc nghiệp vụ), hơn nữa giữa chúng lại có nhiều điểm giao thoa và trùng lặp, vì vậy, chúng tôi thống nhất với ý kiến của nhiều nhà nghiên cứu, gọi chung lại là tiếng Trung chuyên ngành với cơ sở định vị gồm: (1) Tiếng Trung Quốc chuyên ngành là phương tiện giúp người học nắm bắt kiến thức chuyên môn. (2) Tiếng Trung Quốc chuyên ngành có liên quan chặt chẽ với ngành nghề. (3) Nội dung giảng dạy hàm chứa một lượng lớn kiến thức chuyên môn về khoa học, công nghệ, xã hội, nhân văn... đặc biệt là thường sử dụng các thuật ngữ kĩ thuật và từ vựng chuyên ngành (Li Quan, 2011). Tiếng Trung Quốc chuyên ngành có thể giúp người học nắm bắt được các đặc điểm của ngôn ngữ ứng dụng ngành nghề trong một khoảng thời gian tương đối ngắn, đạt được mục tiêu hiểu, tiếp thu và sử dụng tiếng kiến thức chuyên môn trong phạm vi của chuyên ngành.

2.1.2. Đặc điểm chung của tiếng Trung khoa học kĩ thuật

Tiếng Trung khoa học kĩ thuật là ngôn ngữ dùng trong lĩnh vực khoa học và kĩ thuật. Đây là tiếng Trung chuyên ngành, diễn đạt những nội dung và thành tựu của khoa học và kĩ thuật. Bao gồm:

(i) Là một bộ phận của tiếng Trung, chúng không có hệ thống ngữ âm riêng và cùng dùng chung các yếu tố ngôn ngữ của tiếng Trung Quốc hiện đại. Vì vậy, tiếng Trung khoa học kĩ thuật phù hợp với đặc điểm ngôn ngữ của tiếng Trung Quốc.

(ii) Là ngôn ngữ được sử dụng trong lĩnh vực chuyên ngành, tiếng Trung Quốc khoa học kĩ thuật được sử dụng trong công tác nghiên cứu, phát triển và phổ biến kết quả khoa học và kĩ thuật. Do vậy mang những đặc trưng của văn phong khoa học.

(iii) Tiếng Trung Quốc khoa học kĩ thuật thường mang phong cách của ngôn ngữ viết. Đó là những nội dung ghi chép và mô tả chính xác về sự xuất hiện, quy luật phát triển và bản chất của các lĩnh vực khoa học và kĩ thuật công nghệ khác nhau.

2.2. Phương pháp dạy học tiếng Trung chuyên ngành

Việc dạy-học ngoại ngữ đã trải qua nhiều thể hệ phương pháp và cách tiếp cận. Trong các phương pháp dạy học, từ vựng và ngữ pháp vẫn luôn được coi là một nội dung quan trọng trong dạy học ngoại ngữ. Bên cạnh đó, việc dạy các cấu trúc ngữ pháp và ngữ âm vẫn đang được chú ý tới nhiều. Một số phương pháp giảng dạy ngôn ngữ đã và đang được áp dụng trên thế giới từ thế kỉ XX đến nay như:

Phương pháp dịch - ngữ pháp, phương pháp dạy theo đường hướng giao tiếp (Communicative Language Teaching), phương pháp ngôn ngữ - nghe (audiolingual), phương pháp giao nhiệm vụ (task-based learning), phương pháp phản xạ - tổng thể (total physical response), phương pháp thư giãn (Suggestopedia)...(Nguyễn Thị Việt Phương, 2014, tr.61). Ngày nay, nhiều nước trên thế giới đã áp dụng các phương pháp dạy ngoại ngữ tiên tiến, lấy người học làm trung tâm. Ở Việt Nam, nhiều cơ sở giáo dục đã đưa nội dung dạy học ngoại ngữ chuyên ngành vào các chương trình đào tạo, đặc biệt là dạy học tiếng Anh chuyên ngành. Những năm gần đây mở rộng sang các ngoại ngữ khác, trong đó có dạy học tiếng Trung chuyên ngành. Theo các nhà nghiên cứu, dạy học ngoại ngữ chuyên ngành chính là dạy ngôn ngữ, vì vậy mọi nội dung, phương pháp giảng dạy đều xuất phát từ lí do dạy ngôn ngữ. Không có sự khác nhau giữa ngoại ngữ cơ bản và ngoại ngữ chuyên ngành, chúng chỉ khác nhau về nội dung giảng dạy.

2.3. Lí luận dịch và dịch thuật chuyên ngành

2.3.1. Lí luận dịch

Nghiên cứu lí luận cho thấy, trong việc chuyển dịch từ ngữ nguồn sang ngữ đích cho dù theo các tiêu chuẩn, tiêu chí nào qua các cách gọi như “tín, đạt, nhã”, “giống về nội dung”, “tương đương động thái”, “tương đương chức năng”, hay “đồng hóa” (bản địa hóa), “dị hóa” (ngoại lai hóa), sự đa dạng về lí luận, trường phái hay “văn hóa đa nguyên”, v.v. mục tiêu là đều cùng hướng tới việc tìm kiếm tính hợp lí của “sự tương đương” để xác minh tính chính xác của việc chuyển đổi và phổ biến thông tin, thực hiện nhiệm vụ cụ thể hóa và hiện thực hóa giao tiếp xuyên văn hóa. Nhà lí luận dịch thuật của Liên Xô Barkhalov từng đề xuất rằng dịch thuật là quá trình thay đổi phát ngôn của một ngôn ngữ này thành phát ngôn trong một ngôn ngữ khác mà vẫn giữ nguyên nội dung và không thay đổi ý nghĩa. Nida cũng đã nhận định: “*Phiên dịch là tái hiện thông tin từ ngữ nghĩa đến phong cách của ngữ nguồn sang ngữ đích với sự tương đương gần nhất và tự nhiên nhất*” (所谓翻译, 是指从语义到文体在译语中用最切近而又最自然的对等语再现原语的信息) (dẫn theo Zhao Yulan, 2002, tr.9).

2.3.2. Dịch thuật chuyên ngành

Dịch chuyên ngành là hình thức dịch các tài liệu - văn bản của một chuyên ngành, lĩnh vực cụ thể nào đó. Có nhiều lĩnh vực - chuyên ngành khác nhau như kinh tế - tài chính, kĩ thuật - công nghệ, tài nguyên - khoáng sản, chứng khoán - ngân hàng, v.v. Chẳng hạn, tiến hành dịch các thuật ngữ và từ ngữ khoa học kĩ thuật song ngữ Trung-Việt để tìm ra sự tương đương về mặt ngữ nghĩa, từ đó vận dụng vào trong giao tiếp và hoạt động chuyển giao khoa học công nghệ giữa Việt Nam và Trung Quốc. Dịch thuật ngữ và từ ngữ chuyên ngành thường là công việc rất khó và trắc trở, cần đảm bảo cân bằng được cả hai yếu tố vừa thông thạo ngôn ngữ lại vừa am hiểu chuyên ngành. Phiên dịch viên nếu không am hiểu về chuyên ngành mình đang dịch, không có kiến thức chuyên môn, không có vốn thuật ngữ và từ ngữ chuyên ngành phong phú thì khi gặp một từ sẽ không biết phải sử dụng thuật ngữ nào cho phù hợp, như vậy sẽ dẫn đến sự lệch chuẩn trong bản dịch, ảnh hưởng lớn đến chất lượng dịch thuật.

2.3.4. Dạy học phiên dịch khoa học kĩ thuật

Dạy học phiên dịch khoa học kĩ thuật không chỉ đơn thuần tập trung vào dạy học các kiến thức, kĩ năng phiên dịch, mẫu câu, văn bản, thực hành dịch thuật, mà còn đồng thời phải bồi dưỡng những kiến thức, phẩm chất và năng lực dịch thuật chuyên ngành cho sinh viên. Giới dịch thuật đã từng bàn luận nhiều đến vấn đề đào tạo năng lực dịch thuật. Nord (1997) cho rằng năng lực phiên dịch bao gồm năng lực xử lí văn bản, năng lực nắm bắt chủ đề, năng lực chuyển đổi và năng lực giao tiếp liên văn hóa; Tan Zaixi (2000) nhận định về năng lực dịch thuật gồm năng lực nhận thức của người dịch, năng lực song ngữ, năng lực sử dụng kĩ thuật hỗ trợ và năng lực chuyển đổi; Liu Biqing (2001) nêu ra quan điểm cho rằng năng lực dịch thuật bao gồm năng lực song ngữ, năng lực giao tiếp đa văn hóa, năng lực tư duy,

sáng tạo, diễn đạt và năng lực chuyển đổi. Qua đó cho thấy khâu bồi dưỡng kiến thức chuyên ngành và năng lực tổng hợp cho sinh viên rất quan trọng trong dạy học phiên dịch khoa học kỹ thuật.

3. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

3.1. Dữ liệu nghiên cứu

Dữ liệu nghiên cứu được chúng tôi thu thập, quan sát, thống kê từ những giáo trình đang sử dụng trong dạy học và tài liệu tham khảo, bài viết, đề tài nghiên cứu, luận văn, luận án, chuyên khảo có liên quan, thu thập được tổng số 1.374 từ ngữ liên quan.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

(1) Phương pháp thống kê và xử lý dữ liệu

Chúng tôi đã tập hợp dữ liệu từ các báo cáo giảng dạy học phần, báo cáo khảo sát điều tra, tài liệu dạy học và một số tài liệu liên quan khác, sau đó tiến hành thống kê, phân loại dữ liệu.

(2) Phương pháp phân tích và miêu tả

Phương pháp này sử dụng để miêu tả đặc điểm ngôn ngữ khoa học kỹ thuật tiếng Trung Quốc, phân tích đánh giá làm rõ những vấn đề liên quan đến việc dạy học kiến thức chuyên ngành và bồi dưỡng nâng cao năng lực dịch thuật cho sinh viên.

(3) Phương pháp đối chiếu

Ở một mức độ nhất định, chúng tôi tiến hành liên hệ, đối chiếu với tiếng Việt nhằm xác định rõ hơn những điểm giống và khác nhau giữa nổi bật giữa hai ngôn ngữ, tạo cơ sở cho phiên dịch khoa học kỹ thuật song ngữ Trung-Việt.

4. Đặc điểm ngôn ngữ khoa học kỹ thuật tiếng Trung Quốc

4.1. Đặc điểm từ vựng

4.1.1. Cấu trúc hình thức

Trong tiếng Trung Quốc, khả năng kết hợp tạo ra các từ khoa học và kỹ thuật của những yếu tố đơn âm là rất lớn, ví dụ: 电/ điện, 力/ lực, 能/ năng lượng, 氧/ ôxy, v.v. Đây là những hình vị tự do và mang nghĩa độc lập, có thể sử dụng độc lập trong cấp độ từ, đồng thời có thể phái sinh ra một số lượng lớn các từ có hai âm tiết hoặc các từ đa âm tiết, chẳng hạn: 电/ điện - 电器/ điện khí - 电子/ điện tử - 热电/ nhiệt điện - 发电机/ máy phát điện; 氧/ ôxy - 氧化/ ôxy hóa - 二氧化碳/ các bon - 氧气/ dưỡng khí, v.v.

4.1.2. Cấu trúc ngữ âm

Tiếng Trung Quốc khoa học kỹ thuật thường có các từ ngữ có âm tiết mang tính cân đối. Trong thực tế, tính cân đối hài hòa này thường được diễn đạt theo các quy ước xã hội và thói quen sử dụng từ ngữ của cộng đồng ngôn ngữ. Feng Shengli (2005) cho rằng đây là sự biểu hiện của “ngữ pháp vận luật”. Chẳng hạn trong câu “金属设备防腐蚀最有效、最常用的方法之一是在金属表面涂敷防腐涂层，以隔绝腐蚀介质与金属基体。” (Một trong những phương pháp chống ăn mòn thiết bị kim loại hiệu quả nhất và thường dùng nhất là phủ một lớp phủ chống ăn mòn lên bề mặt kim loại để cách ly giới chất ăn mòn với hợp chất kim loại) xuất hiện các tổ hợp ba âm tiết mang âm vận cân đối như “最有效” (hiệu quả nhất) và “最常用” (thường dùng nhất), hay dùng “涂层” (lớp phủ) thay cho từ đơn âm tiết “层” (lớp) để tạo ra sự cân đối, hài hòa với từ “表面” (bề mặt) có hai âm tiết; chọn “隔绝” (cách ly) thay thế “隔” (cách) để tạo sự cân xứng với từ có hai âm tiết “腐蚀” (ăn mòn); dùng “基体” (hợp chất) thay cho “体” (chất) để tạo sự cân xứng với từ có hai âm tiết “介质” (giới chất).

4.1.3. Phân bố từ loại

Trong ngữ liệu khảo sát, chúng tôi đã thống kê, phân loại từ loại tiếng Trung Quốc khoa học kỹ thuật như sau:

Bảng 1. Phân bố từ vựng khoa học kỹ thuật tiếng Trung Quốc

Từ loại	Danh từ	Động từ	Tính từ	Từ loại khác	Số lượng
	975	146	91	162	1374
Tỉ lệ	68,9%	11,7%	5,6%	13,8%	100%

Trong hệ thống từ loại tiếng Trung Quốc khoa học kỹ thuật, số lượng danh từ xuất hiện nhiều nhất, 975 từ và chiếm 68,9% (ví dụ: 过压/ quá áp, 减压阀/ van giảm áp, 光谱仪/ quang phổ kế); tiếp đến là động từ xuất hiện 146 từ, chiếm 11,7% (ví dụ: 关机/ tắt máy, 转动/ chuyển động, 运行/ vận hành); các tổ hợp từ loại khác xuất hiện 162 lần, chiếm 13,8% (ví dụ: 坐标系/ hệ thống tọa độ, 晶体管输出/ đầu ra bóng bán dẫn); tính từ có 91 từ, chiếm 5,6% (ví dụ: 离线/ ngoại tuyến, 液压的/ thủy lực, 短路的/ đoản mạch).

4.1.4. Đặc điểm ngữ nghĩa

Tính chính xác là đặc điểm ngữ nghĩa chính của từ vựng tiếng Trung Quốc khoa học kỹ thuật. Nội dung chuyên môn và tính hệ thống thường thể hiện rất rõ nét trong ngữ nghĩa. Do đó, một số lượng lớn thuật ngữ với đặc điểm ngữ nghĩa khá chặt chẽ xuất hiện trong hệ thống từ vựng. Đây là sự khác biệt rõ rệt nhất so với các từ ngữ thông thường khác. Du Houwen (1982) đã chỉ ra: “*Thuật ngữ khoa học có nghĩa chính xác, và mỗi thuật ngữ chỉ có một nghĩa được xác định trong một lĩnh vực nhất định*”. Phần lớn ngữ nghĩa từ ngữ khoa học kỹ thuật tiếng Trung Quốc mang tính đơn nghĩa, nghĩa mơ hồ và cách hiểu khác nghĩa thường được giảm thiểu tối đa. Chẳng hạn một loạt từ ngữ đồng nghĩa như “太空站” (trạm vũ trụ), “空间站” (trạm không gian), “航天站” (trạm hàng không), “轨道站” (trạm quỹ đạo), “轨道空间站” (trạm không gian quỹ đạo) đều được hiểu nghĩa là “trạm vũ trụ”.

Tính mơ hồ của ngữ nghĩa đôi khi xảy ra trong các từ, cụm từ và câu. Tuy nhiên, trong từ ngữ khoa học kỹ thuật một khi có nguy cơ xuất hiện hiện tượng này thì sẽ bị loại trừ trong văn bản hoặc cách lý giải, và ý nghĩa sẽ trở nên rõ ràng. Ví dụ, khoảng cách trong kết cấu xây dựng “跨度” (khẩu độ) sẽ không thể hiểu nhầm sang khoảng cách giữa các độ tuổi; “大动脉” (huyết mạch chính) trong tuyến giao thông sẽ không bị hiểu thành “大血脉” (động mạch) trong cơ thể, v.v.

4.1.5. Đặc điểm ngữ pháp

(1) Phương thức cấu tạo từ khoa học kỹ thuật tiếng Trung Quốc thường dùng căn từ ghép thêm các hình vị khác để tạo thành từ ghép. Phương thức này có thể tạo ra lượng từ vựng khá lớn để đáp ứng nhu cầu trong giao tiếp, đồng thời phản ánh tính hệ thống của các từ ngữ khoa học kỹ thuật tiếng Trung Quốc. Ví dụ: 吉赫 (gigahertz), 千赫 (megahertz), 兆赫 (kilohertz); 激光 (laser), 光缆 (cáp quang), 光电 (quang điện), 光敏 (cảm quang), 光合作用 (tác dụng quang hợp), 感光器 (thiết bị cảm quang), 遮光眼罩 (kính râm); 贫血 (thiếu máu), 换血 (thay máu), 造血 (tạo máu), 输血 (truyền máu), 血浆 (huyết tương); 蛋白质 (protein), 清蛋白 (albumin), 免疫球蛋白 (protein miễn dịch cầu), v.v.

(2) Về mặt cấu trúc, các từ, cụm từ và câu đều có một cấu trúc nhất định. Ví dụ: “地震” (động đất) là cấu trúc chủ - vị; “水土流失” (xói mòn đất) là câu có cấu trúc chủ - vị; “打桩” (đóng cọc) là cấu trúc động từ - bổ ngữ; “槽钢” (máng thép), “地震纵波” (sóng địa chấn dọc) là những cấu trúc phụ - chính, v.v.

(3) Tiếng Trung Quốc thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập và không có sự thay đổi về hình thái. Do đó, một từ được sử dụng làm chủ ngữ hay bổ ngữ thì cách phát âm và hình thức từ của nó không có gì thay đổi. Thứ hai, trật tự từ và hư từ là những phương tiện ngữ pháp chính, trật tự từ khác nhau sẽ biểu đạt những ý nghĩa khác nhau. Ví dụ: “严重贫血” (thiếu máu trầm trọng) là cấu trúc phụ - chính, nếu chuyển đổi thành “贫血严重” (thiếu máu một cách nghiêm trọng) là cấu trúc chủ - vị. Ở bình diện câu, trong trường hợp để nhấn mạnh, cấu trúc phụ - chính có thể được chuyển thành cấu trúc chủ - vị, như:

“装浓硫酸的容器要盖好，以免硫酸吸收水分” (Cần đây kín thùng chứa axit sunfuric đặc để axit sunfuric không hút nước), v.v.

(4) Một số câu tiếng Trung Quốc khoa học kĩ thuật đôi khi cũng được diễn đạt theo dạng câu không có chủ ngữ, ví dụ: “就是在几百公里的高空中，也存在着稀薄的空气” (Ở độ cao vài trăm km, cũng có không khí loãng); “如果要测量部分电路中的电流强度，必须把安培表串联在这部分电路里” (Muốn đo cường độ dòng điện trong một đoạn mạch thì phải đấu nối tiếp một ampe kế vào đoạn mạch này).

4.2. Về thực trạng tình hình dạy học phiên dịch

4.2.1. Về đặc điểm của việc dạy học phiên dịch khoa học kĩ thuật

Cùng với các hoạt động hợp tác kinh tế, du lịch, giao lưu khoa học và công nghệ diễn ra ngày càng nhiều trên phạm vi khu vực và thế giới, nhu cầu về đội ngũ phiên dịch thuật khoa học kĩ thuật cũng không ngừng tăng cao. Theo kết quả khảo sát và điều tra từ các nhà tuyển dụng lao động, chúng tôi đã thống kê được tỉ lệ về nhu cầu phiên dịch trong các lĩnh vực này chiếm tới 1/2 nhu cầu phiên dịch song ngữ Trung-Việt. Kết quả này cho thấy, phiên dịch khoa học kĩ thuật chiếm một vị trí rất quan trọng. Việc đào tạo phiên dịch khoa học kĩ thuật cũng là một nhiệm vụ chuyên môn quan trọng trong chương trình giáo dục ngoại ngữ. Đây là định hướng hướng nghiệp ứng dụng cho nghề nghiệp trong tương lai gần đối với sinh viên chuyên ngữ tiếng Trung Quốc. Những nội dung giới thiệu về các phát minh và thành tựu khoa học kĩ thuật của nhân loại qua các thời kì lịch sử cách mạng công nghiệp, các từ ngữ, cấu trúc, đoạn văn, bài viết gắn với các tiêu chuẩn, thuật ngữ, từ ngữ chuyên ngành gắn với ngành nghề và công nghệ sản xuất hiện đại được cung cấp qua các bài đọc, bài dịch văn bản khoa học kĩ thuật ứng dụng, qua các bài tập dịch văn bản mẫu phù hợp giúp sinh viên làm quen với tiếng Trung Quốc chuyên ngành, nắm được đặc điểm của văn bản khoa học và công nghệ, nắm vững các nguyên tắc cơ bản và phương pháp dịch, từ đó có thể dịch chính xác các văn bản tiếng Trung Quốc khoa học kĩ thuật sang tiếng Việt, đảm bảo bản dịch phù hợp với tiêu chuẩn của dịch thuật khoa học và công nghệ về tính trung thực, chính xác và chuẩn hóa. Sinh viên nâng cao được kĩ năng và năng lực phiên dịch, đạt được chuẩn kiến thức của chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.

5. Định hướng nâng cao năng lực dịch thuật tiếng Trung khoa học kĩ thuật cho sinh viên chuyên ngữ Việt Nam

5.1. Bồi dưỡng năng lực dịch thuật từ vựng

Tiêu chuẩn dịch thuật từ vựng khoa học kĩ thuật là cần đảm bảo tính chính xác, chuẩn hóa và thống nhất. Chẳng hạn thuật ngữ là nội dung cốt lõi của khái niệm khoa học kĩ thuật, dịch chính xác thuật ngữ được xem là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá tính chuẩn mực, cũng là một yếu tố quan trọng để đánh giá về trình độ dịch thuật có chuyên nghiệp hay không, chất lượng dịch thuật có đảm bảo hay không. Wei Xiangqing (1985) đã nhận định rằng, năng lực dịch thuật từ ngữ chuyên ngành được hình thành thông qua học tập kiến thức chuyên môn và rèn luyện trong thực tế, bao gồm khả năng nhận biết và xử lí từ ngữ chuyên ngành và thuật ngữ. Tiêu chuẩn dịch thuật từ ngữ khoa học kĩ thuật là sự chính xác và trung thực. Vì vậy, việc dịch thuật từ ngữ chuyên môn cần thống nhất và tránh sự mơ hồ về ngữ nghĩa. Chẳng hạn từ “地道” tiếng Trung Quốc trong ngành giao thông dịch sang từ tương đương trong tiếng Việt là “địa đạo, đường hầm”, không phải là tính từ “đích thực”.

5.2. Bồi dưỡng năng lực xử lí văn phong trong dịch thuật

Dịch thuật khoa học kĩ thuật cần mang tính chính xác, vì vậy văn phong sẽ khác với các thể loại khác. Chẳng hạn như dịch văn học, từ ngữ văn học thường có sự biến đổi qua các thủ pháp tu từ để đáp ứng tính thẩm mĩ trong văn học, như sử dụng từ đa nghĩa, từ đồng nghĩa để làm cho nội dung trở nên phong phú hơn. Văn phong hay phong cách là một dạng biến thể ngôn ngữ có chức năng khác nhau do

con người lựa chọn vì có sự khác nhau về môi trường giao tiếp, phương thức giao tiếp, đối tượng giao tiếp và mục đích giao tiếp. Trong dịch thuật, việc chuyển đổi hai mã ngôn ngữ phải trung thành và có sự tương đương. Đặc điểm của văn phong không thể tách rời phong cách của bản dịch, nhưng có phù hợp hay không mới là thước đo quan trọng để đánh giá chất lượng của bản dịch. Theo lý thuyết kiểu văn bản của Newmark (1988), văn phong khoa học kỹ thuật thuộc văn bản thông tin, đặc điểm nổi bật của nó ở chỗ tường thuật lại mạch lạc, logic, diễn đạt rõ ràng, trôi chảy, tránh lối diễn đạt tối nghĩa, tránh bộc lộ cảm xúc cá nhân, tránh lập luận không đầy đủ.

Mặc dù các sinh viên chuyên ngữ ở bậc đại học có kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Trung Quốc tốt và có khả năng dịch được những nội dung cơ bản, nhưng nhận biết về văn phong trong dịch thuật nhìn chung vẫn còn chưa sâu. Do vậy, dạy học phiên dịch khoa học kỹ thuật không thể chỉ là dạy học phiên dịch thông thường, mà còn cần bồi dưỡng giúp cho sinh viên có khả năng phân biệt, đánh giá và hiểu được phong cách khoa học kỹ thuật và các phong cách khác. Trong tiếng Trung Quốc khoa học- kỹ thuật có rất nhiều từ ngữ chuyên ngành, dạy học phiên dịch sẽ giúp sinh viên phát triển nhận thức về văn phong để lựa chọn sử dụng từ vựng chính xác, diễn đạt phù hợp với đặc điểm của phong cách khoa học kỹ thuật ở các cấp độ, từ vựng, câu, văn bản. Ví dụ khi dịch câu tiếng Hán “水可以从液态变为固态” thông thường sẽ diễn đạt là “Nước có thể **chuyển** từ thể lỏng sang thể rắn”. Nhưng dưới góc độ dịch thuật khoa học kỹ thuật thì nên dịch là “Nước có thể **biến đổi** từ thể lỏng thành thể rắn”. Cách diễn đạt như vậy xuất phát từ quan điểm nhấn mạnh tính khách quan của phong cách khoa học kỹ thuật, đồng thời cũng thực hiện chức năng truyền tải thông tin. Có thể thấy, năng lực xử lý văn phong trong dịch thuật là khá quan trọng, vừa đảm bảo hàm lượng chuyên môn lại vừa thể hiện năng lực chuyên nghiệp của người dịch. Sinh viên rèn luyện và thực hiện được như vậy sẽ đảm bảo chất lượng của bản dịch.

5.3. Bồi dưỡng năng lực giao tiếp liên văn hóa

Ngôn ngữ và văn hóa là một tổng thể có mối quan hệ mật thiết với nhau. Nhà ngôn ngữ học người Đức W.Humboldt (1819) đã chỉ ra rằng ngôn ngữ là sự thể hiện và phản ánh văn hóa. Dịch thuật là phương tiện để giao lưu văn hóa và nó thực hiện chức năng truyền đạt những suy nghĩ và cảm xúc của con người, phổ biến kiến thức văn hóa và thúc đẩy văn minh xã hội. Theo một nghĩa nào đó, sự chuyển đổi của ngôn ngữ chỉ là bề nổi của dịch thuật, và việc truyền tải thông tin văn hóa mới là bản chất của dịch thuật. Vì vậy, trong dạy học dịch thuật không chỉ giới hạn ở việc nâng cao năng lực dịch thuật mà còn phải bồi dưỡng năng lực giao tiếp liên văn hóa cho sinh viên, dạy học dịch thuật khoa học kỹ thuật cũng không ngoại lệ. Năng lực giao tiếp liên văn hóa liên quan đến khả năng giao tiếp liên nhân giữa các quốc gia và khu vực, liên quan tới việc hiểu biết về lịch sử, phong tục tập quán, giá trị nhân sinh quan, phương thức tư duy của các cộng đồng ngôn ngữ khác nhau. Đây là một trong những năng lực cần thiết đối với người phiên dịch. Phong cách khoa học kỹ thuật có sự liên quan chặt chẽ đến chính trị, kinh tế, văn hóa và giao tiếp giữa các nền văn hóa. Trong nhiều bài viết khoa học kỹ thuật cũng có sử dụng các thủ pháp tu từ, những nội dung về tôn giáo và văn hóa để nâng cao sức hấp dẫn của thông tin truyền tải. Vì vậy, trong dạy học dịch thuật khoa học kỹ thuật, bên cạnh việc dạy học kiến thức và phương pháp phiên dịch, cần tăng cường bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp liên văn hóa, hỗ trợ sinh viên tăng cường những hiểu biết về đất nước học, lịch sử, xã hội, kinh tế, văn hóa, để cải thiện năng lực giao tiếp giữa các nền văn hóa cho sinh viên. Ví dụ liên hệ tới hình ảnh của sự vật, vận dụng nghĩa phái sinh mang tính phổ quát để chuyển dịch một số từ vựng, tạo ra sự nắm bắt nhanh chóng và thuận tiện như: “鼠标” - “chuột”, “螺旋桨” - “chân vịt”, “瞄准” - “đầu ruồi”, “神眼” - “mắt thần”, “组件” - “chíp”, “冷却水” - “nước mát”, “重力” - “trọng lực”, “染色体” - “nhiễm sắc thể”, “脂肪” - “chất béo”, “抽脂” - “hút mỡ”, “微生物” - “vi sinh vật”,...

5.4. Bồi dưỡng kỹ năng xử lý trong dịch thuật

5.4.1. Đảm bảo tương đương dịch thuật

Tương đương dịch thuật là tiêu chí quan trọng để đảm bảo chất lượng phiên dịch. Trong phiên dịch từ ngữ khoa học kĩ thuật tiếng Trung Quốc sang tiếng Việt, thường xuyên lưu ý sinh viên đảm bảo tính tương đương của các khái niệm qua sử dụng phương pháp dịch ý. Ví dụ: “空气调节装置”——“máy điều hòa không khí”; “终端装置”——“thiết bị đầu cuối”; “地球引力”——“lực hút của trái đất”, v.v.

5.4.2. Bản địa hóa nội dung dịch thuật

Để đảm bảo bản dịch phù hợp với phong cách diễn đạt của ngữ đích, trật tự từ của bản dịch đôi khi khác với trật tự từ của văn bản gốc, tức là phương pháp chuyển đổi trật tự từ. Trong hầu hết các trường hợp, trật tự từ tiếng Việt ngược lại với trật tự từ trong tiếng Trung Quốc. Thứ tự từ trong thói quen diễn đạt của người Việt là từ nhỏ đến lớn, sự sắp xếp theo quy tắc, vị trí của thành phần trạng ngữ linh hoạt, cần được chú ý xử lý thỏa đáng. Ví dụ: “太阳系行星”——“hành tinh **hệ mặt trời**”, “水压机”——“**máy ép thủy lực**”, “压缩机”——“**máy nén**”,...

Dịch thuật và biểu đạt từ ngữ vay mượn theo kiểu Việt hóa. Ví dụ: “伏”——“vôn/ volt”, “安”——“ampe/ ampere”, “赫兹”——“héc/ hertz”, “霓虹灯”——“đèn nê ông/ neon”, “U 形管”——“ống chữ U”, “T 形梁”——“thanh chữ T”, “O 型密封圈”——“Gioăng cao su chữ O”, “电气化”——“Điện khí hóa”, “电流计”——“Ampe kế”, “电压计”——“Vôn kế”, “太阳能”——“năng lượng mặt trời”, “导向盘”——“Vô lăng/ tay lái”, “硫磺”——“phốt pho/ lưu huỳnh”, “摧剂”——“chất xúc tác”, “纤维”——“Xenlulozo”,...

Vận dụng từ ngữ vay mượn dạng rút gọn và viết tắt thông dụng, các công thức, kí hiệu. Ví dụ: “麦克风”——“Mic”, “艾滋病”——“AIDS”, “光盘”——“CD”, “光驱”——“CD ROM”,...

5.4.3. Suy luận tạo từ theo hệ thống

Trên cơ sở nắm vững các đặc điểm và phương thức cấu tạo của từ vựng khoa học kĩ thuật tiếng Trung Quốc, trong một số trường hợp, có thể vận dụng suy luận tạo từ và xử lý nghĩa. Chẳng hạn quan sát sự xuất hiện của các yếu tố “机”, “器”, “仪” và “装置” để liên hệ tới máy móc và thiết bị, từ đó suy luận phiên dịch các từ ngữ như “探测仪”——“**máy** thăm dò”, “氢发生器”——“**máy** tạo hidro”, “氧发生器”——“**máy** tạo oxy”, “蒸汽发生器”——“**máy** tạo hơi nước”, “纺纱机”——“**máy** kéo sợi”, “水力纺机”——“**máy** kéo sợi thủy lực”, v.v.

6. Kết luận

Dịch thuật khoa học kĩ thuật mang tính thực tiễn và ứng dụng chuyên môn cao. Theo Lâm Quang Đông (2007, tr.26-27), “Người làm công tác dịch thuật cần nhiều loại kiến thức: ngôn ngữ, văn hoá, kiến thức phổ thông hay kiến thức nền (general or background knowledge) và kiến thức chuyên môn. Họ cần phải thông thạo, có vốn từ vựng phong phú, hiểu biết thấu đáo những vấn đề ngôn ngữ học của cả hai ngôn ngữ, hiểu biết những tương đồng và khác biệt giữa hai ngôn ngữ không những chỉ về ngữ pháp mà còn về ngữ nghĩa và ngữ dụng. Những hiểu biết đó gắn chặt với tri thức văn hoá về đất nước, con người, lối sống, thói quen, phong tục tập quán của hai cộng đồng ngôn ngữ. Đến lượt chúng, tri thức văn hoá lại phải dựa trên một nền tảng tri thức bách khoa vững chắc và liên tục được cập nhật. Cuối cùng, mỗi một chuyên ngành có những thuật ngữ, cách diễn đạt riêng, phong cách riêng, đòi hỏi người làm công tác dịch thuật phải hiểu được chí ít là ý nghĩa, nội hàm của chúng, dấu rằng không thể sâu như một nhà chuyên môn”. Trong dạy học, trên cơ sở nắm bắt đặc điểm và phong cách ngôn ngữ, cần tiếp tục bồi dưỡng kiến thức, năng lực dịch thuật ngữ, từ ngữ chuyên ngành, năng lực giao tiếp liên văn hóa và kĩ năng xử lý trong dịch thuật để hỗ trợ bồi dưỡng nâng cao năng lực dịch thuật khoa học kĩ thuật, cũng như dịch thuật chuyên ngành cho sinh viên, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo phiên dịch và giao tiếp ngôn ngữ Trung-Việt ở Việt Nam.

* Bài viết này được thực hiện với sự tham gia tài trợ kinh phí thuộc đề tài mã số 64-2022-RD/HĐ-ĐHCN của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Tác giả xin trân trọng cảm ơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Văn Khang (2022), *Đào tạo tiếng Trung Quốc với xu hướng ứng dụng nghề nghiệp tương lai: Một số nội dung thiết thực*. Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: Nghiên cứu và Giảng dạy tiếng Trung Quốc với xu thế ứng dụng nghề nghiệp. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Việt Phương (2014), "Cơ sở lí luận dạy và học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành". Tạp chí *Giáo dục* số 340, kì 2/ 2014, 61-69.
3. Lâm Quang Đông (2007), "Về tính chuyên nghiệp của nghề dịch thuật". Tạp chí *Ngôn ngữ* (2007, tr.26-27).

Tiếng Trung

4. 李泉 (2011), 《论专门用途汉语教学》 语言文字应用, 2011 (03): 110-117.
5. 赵玉兰 (2007), 《越南翻译教程》 北京: 北京大学出版社.
6. 谭载喜 (2000), 《翻译学》 武汉: 湖北教育出版社.
7. 刘宓庆 (2003), 《翻译教学·实务和理论》 北京: 中国对外翻译出版公司.
8. 冯胜利 (2005), 《汉语韵律语法研究》 北京大学出版社出.
9. 杨森森, 王微微 (2019), 《工业汉语: 焊接技术及自动化》 国家开放大学出版社.
10. 雍丽英, 赵丽霞 (2019), 《工业汉语——机电一体化技术》 国家开放大学出版社.

Translating Chinese for special purposes into Vietnamese: the view of training translation science and technical for Vietnamese students

Abstract: Training translation of Chinese scientific and technical is an indispensable concretized direction in teaching Chinese for special purposes for Vietnamese language major students, in order to help students enhance their language knowledge and knowledge for special purposes and Chinese-Vietnamese bilingual translation ability. The paper focuses on discussing about characteristics of Chinese scientific - technical language, thereby proposing some solutions to improve the translation capacity of students. Through this, we hope to be able to contribute reference materials to improve the quality of training Chinese - Vietnamese translation in Vietnam.

Key words: translation; science technology; training; Special Purposes; Chinese.